

Số: 123 /KH-UBND

Hà Giang, ngày 14 tháng 4 năm 2021

KẾ HOẠCH

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 -2030

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức”;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 3266/BNV-ĐT ngày 01/7/2020 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn triển khai Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông báo số 78/TB-UBND ngày 08/4/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về kết luận Phiên họp tháng 3/2021,

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2030 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Mục đích

Cụ thể hóa triển khai nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức”, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về vai trò và sự cần thiết phải học tập, bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ.

Đồng thời xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với chuyên môn sâu cùng với khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo để đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ và làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế.

2. Yêu cầu

- Việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ phải đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước và nhu cầu thực tế của cơ quan, đơn vị.



- Thực hiện có chất lượng, hiệu quả các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ; tăng cường trách nhiệm của cơ quan quản lý và bản thân cán bộ, công chức, viên chức trong việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ.

- Đẩy mạnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, gắn với thực hành, sử dụng ngoại ngữ thường xuyên, hiệu quả trong thực thi công vụ.

- Quá trình triển khai phải căn cứ vào tình hình dịch bệnh và đảm bảo các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid – 19 theo quy định và hướng dẫn của ngành y tế.

3. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng áp dụng gồm

- Cán bộ, công chức trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Không áp dụng đối với các đối tượng sau

- Giáo viên, giảng viên ngoại ngữ.

- Cán bộ, công chức, viên chức công tác trong hệ thống các cơ quan, đơn vị thuộc ngành ngoại giao (Sở Ngoại vụ).

II. MỤC TIÊU

Mục tiêu của Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2030 chưa đạt được mục tiêu đặt ra tại Công văn số 3266/BNV-ĐT ngày 01/7/2020 của Bộ Nội vụ, do Hà Giang là tỉnh miền núi, vùng cao việc sử dụng ngoại ngữ trong công tác chưa nhiều, cán bộ công chức, viên chức chủ yếu sử dụng tiếng dân tộc khi làm việc tại vùng có đồng bào dân tộc thiểu số; qua khảo sát từ các đơn vị, số lượng cán bộ, công chức, viên chức đăng ký đi học toàn tỉnh ít, không đạt chỉ tiêu của Bộ Nội vụ đặt ra.

Qua khảo sát tính toán mục tiêu của kế hoạch đối với tỉnh Hà Giang cụ thể như sau:

1. Mục tiêu chung cả giai đoạn 2021-2030: Phần đầu trong giai đoạn đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh được **1.834 lượt** người học với tổng kinh phí cần thiết là 16.033.000.000 đồng (*trong đó: Cán bộ, công chức 458 lượt người học với kinh phí ngân sách cấp là 3.588.500.000 đồng; viên chức 1.376 lượt người học với kinh phí do viên chức tự đóng góp là 12.444.500.000 đồng*).

2. Mục tiêu giai đoạn I (từ năm 2021 - 2025): Phần đầu trong giai đoạn I đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh được 1.160 lượt người học với tổng kinh phí cần thiết là 9.550.000.000 đồng (*trong đó: Cán bộ, công chức 319 lượt người học*

với kinh phí ngân sách cấp là 2.351.500.000 đồng; viên chức 841 lượt người học với kinh phí do viên chức tự đóng góp là 7.198.500.000 đồng).

Dự kiến lộ trình cụ thể từng năm như sau:

2.1. Năm 2021: Đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh đối với 271 lượt người học với tổng kinh phí cần thiết là 2.004.500.000 đồng (trong đó: Cán bộ, công chức 126 lượt người học với kinh phí ngân sách cấp là 834.500.000 đồng; viên chức 145 lượt người học với kinh phí do viên chức tự đóng góp là 1.170.000.000 đồng).

2.2. Năm 2022: Đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh đối với 274 lượt người học với tổng kinh phí cần thiết là 2.209.000 đồng (trong đó: Cán bộ, công chức 57 lượt người học với kinh phí ngân sách cấp là 422.000.000 đồng; viên chức 217 lượt người học với kinh phí do viên chức tự đóng góp là 1.787.000.000 đồng).

2.3. Năm 2023: Đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh đối với 223 lượt người học với tổng kinh phí cần thiết là 1.879.500 đồng (trong đó: Cán bộ, công chức 56 lượt người học với kinh phí ngân sách cấp là 432.500.000 đồng; viên chức 167 lượt người học với kinh phí do viên chức tự đóng góp là 1.447.000.000 đồng).

2.4. Năm 2024: Đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh đối với 204 lượt người học với tổng kinh phí cần thiết là 1.799.500.000 đồng (trong đó: Cán bộ, công chức 43 lượt người học với kinh phí ngân sách cấp là 346.500.000 đồng; viên chức 161 lượt người học với kinh phí do viên chức tự đóng góp là 1.453.000.000 đồng).

2.5. Năm 2025: Đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh đối với 188 lượt người học với tổng kinh phí cần thiết là 1.657.500.000 đồng (trong đó: Cán bộ, công chức 37 lượt người học với kinh phí ngân sách cấp là 316.000.000 đồng; viên chức 151 lượt người học với kinh phí do viên chức tự đóng góp là 1.341.500.000 đồng).

3. Mục tiêu giai đoạn II (từ năm 2026- 2030): Phần đầu trong giai đoạn II đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh được 674 lượt người học với tổng kinh phí cần thiết là 6.483.000.000 đồng (trong đó: Cán bộ, công chức 139 lượt người học với kinh phí ngân sách cấp là 1.237.000.000 đồng; viên chức 535 lượt người học với kinh phí do viên chức tự đóng góp là 5.246.000.000 đồng).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tổ chức các khóa học

1.1. Địa điểm đào tạo

Địa điểm tổ chức lớp học sẽ được bố trí linh hoạt để tạo điều kiện cho học viên tham dự lớp học, hạn chế di chuyển nhiều.

1.2. Đơn vị đào tạo

Lựa chọn đơn vị tổ chức đào tạo có đủ năng lực, uy tín về đào tạo tiếng Anh, ưu tiên lựa chọn những đơn vị đã có quan hệ hợp tác với tỉnh Hà Giang.

1.3. Thời lượng và kinh phí các khóa học

STT	Chương trình	Tổng số tiết	Học phí/ học viên
1	Ngoại ngữ Bậc 1	120 (ứng với 15 ngày)	3.500.000
2	Ngoại ngữ Bậc 2	180 (ứng với 23 ngày)	5.000.000
3	Ngoại ngữ Bậc 3	300 (ứng với 38 ngày)	8.000.000
4	Ngoại ngữ Bậc 4	380 (ứng với 48 ngày)	11.000.000
5	Ngoại ngữ Bậc 5	440 (ứng với 55 ngày)	15.000.000

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cơ quan, đơn vị, địa phương và bản thân đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về vai trò và sự cần thiết phải học tập, nâng cao năng lực ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ và làm việc trong môi trường quốc tế.

- Quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức để đẩy mạnh việc học tập ngoại ngữ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo, quản lý trong việc thường xuyên học tập, nâng cao trình độ, năng lực ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu công vụ và làm việc trong môi trường quốc tế; nâng cao ý thức của mỗi người trong việc tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ, cập nhật thông tin, kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu hội nhập.

- Khuyến khích đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tích cực, chủ động tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ để không ngừng nâng cao năng lực và khả năng làm việc, thích ứng với môi trường làm việc quốc tế.

2.2. Rà soát, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tích cực học tập ngoại ngữ, nâng cao năng lực thực thi công vụ và làm việc được trong môi trường quốc tế; huy động các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có uy tín tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện cơ chế tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ linh hoạt, tạo điều kiện để cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng và bản thân cán bộ, công chức, viên chức có cơ hội được lựa chọn hình thức, nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, bảo đảm chất lượng.

- Tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có năng lực, uy tín tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức.

2.3. Rà soát thực trạng năng lực, trình độ và tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương để làm căn cứ xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu và yêu cầu theo từng nhóm đối tượng, từng lĩnh vực công tác, từng vị trí việc làm.

Theo từng giai đoạn 05 năm và hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành rà soát thực trạng và tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý để xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp từng nhóm đối tượng, từng nội dung chương trình.

2.4. Đẩy mạnh việc tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ trực tuyến (online) bảo đảm phù hợp với điều kiện, môi trường, địa bàn làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Sử dụng các hình thức đào tạo, bồi dưỡng kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Giai đoạn 2021-2025, tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo trưởng, phó phòng từ cấp huyện trở lên và đội ngũ cán bộ công chức lãnh đạo cấp xã.

2.5. Tăng cường hợp tác quốc tế và xây dựng môi trường học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong và ngoài nước tham gia hỗ trợ, hợp tác, đầu tư, cung cấp các dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ ở trong nước và cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài để vừa kết hợp đào

tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ với nâng cao năng lực và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, làm việc trong môi trường quốc tế.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nhu cầu kinh phí

Tổng số dự kiến nhu cầu, kinh phí giai đoạn 2021-2030: 16.033.000.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức (chi từ nguồn ngân sách nhà nước): 3.588.500.000 đồng.

- Kinh phí đào tạo bồi dưỡng cho viên chức (chi từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp và do viên chức đóng góp): 12.444.500.000 đồng.

1.1. Giai đoạn 2021-2025:

Tổng số dự kiến nhu cầu, kinh phí giai đoạn 2021-2030: 9.550.000.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức (chi từ nguồn ngân sách nhà nước): 2.351.500.000 đồng.

- Kinh phí đào tạo bồi dưỡng cho viên chức (chi từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp và do viên chức đóng góp): 7.198.500.000 đồng.

1.2. Giai đoạn 2026 - 2030:

Tổng số dự kiến nhu cầu, kinh phí giai đoạn 2021-2030: 6.483.000.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức (chi từ nguồn ngân sách nhà nước): 1.237.000.000 đồng.

- Kinh phí đào tạo bồi dưỡng cho viên chức (chi từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp và do viên chức đóng góp): 5.246.000.000 đồng.

(Chi tiết tại biểu số 02, 03 kèm theo)

2. Nguồn kinh phí đảm bảo

- Nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho viên chức được bố trí từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước bố trí cho đơn vị); đóng góp của viên chức và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các Sở, Ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các Huyện ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về vai trò, sự cần thiết phải học tập, nâng cao năng lực ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ và làm việc trong môi trường quốc tế.

- Căn cứ mục tiêu đào tạo, kế hoạch chung của tỉnh, hàng năm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Nội vụ tổng hợp; cụ thể hóa thành các nhiệm vụ cụ thể trong kế hoạch công tác hàng năm để thực hiện; định kỳ báo cáo sơ kết, tổng kết theo quy định.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ; tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức học tập ngoại ngữ theo quy định.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức bằng nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ khác.

- Chủ trì, rà soát, xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm đảm bảo phù hợp với thực trạng, tình hình thực tế của địa phương qua từng năm.

- Xây dựng dự toán kinh phí chi tiết hàng năm để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức gửi Sở Tài chính thẩm định.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan thẩm định năng lực, trình cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá năng lực và cấp chứng chỉ ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo, sơ kết, tổng kết kết quả tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ hàng năm, từng giai đoạn.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và đơn vị liên quan thẩm định kinh phí hàng năm và tham mưu trình UBND tỉnh bố trí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được tỉnh phê duyệt hàng năm.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Nội vụ lựa chọn, thẩm định cơ sở giáo dục đào tạo thực hiện tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá năng lực và cấp chứng chỉ ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

- Nghiên cứu, đề xuất lựa chọn chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu chung và yêu cầu thực thi nhiệm vụ công vụ.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với sở tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc huy động các nguồn kinh phí hỗ trợ trong và ngoài nước (nếu có) cho công tác đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.

6. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Giang

Tuyên truyền, vận động các cơ quan, đơn vị, địa phương nhận thức và chủ động, tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức.

Trên đây là Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2030, trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Sở Nội vụ (CSĐT);
- Lưu: VT, NCPC (Đức – Tp, Dương).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn

BIỂU SỐ 01

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TỈNH HÀ GIANG

(Kèm theo Kế hoạch số *MB* /KH-UBND ngày *14/1* /*4*/2021 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Năng lực ngoại ngữ theo khung 6 bậc	Cán bộ, công chức		Viên chức	
		Thực trạng chất lượng ngoại ngữ	Nhu cầu số lượng cần phải đào tạo, bồi dưỡng	Thực trạng chất lượng ngoại ngữ	Nhu cầu số lượng cần phải đào tạo, bồi dưỡng
M	TỔNG TOÀN TỈNH	3.286	458	12.155	1.376
1	Bậc 1 (tương đương bậc A theo QĐ 177, bậc A1 theo QĐ 66)	393	109	1.822	79
2	Bậc 2 (tương đương bậc B theo QĐ 177, bậc A2 theo QĐ 66)	2.010	47	6.687	250
3	Bậc 3 (tương đương bậc C theo QĐ 177, bậc B1 theo QĐ 66)	670	170	2.947	221
4	Bậc 4 (tương đương bậc B1 theo QĐ 66)	207	92	681	810
5	Bậc 5 (tương đương bậc C1 theo QĐ 66)	6	40	16	16
6	Bậc 6 (tương đương bậc C2 theo QĐ 66)	0	0	2	0
I	CẤP TỈNH	836	95	3.145	945
1	Bậc 1 (tương đương bậc A theo QĐ 177, bậc A1 theo QĐ 66)	125	1	471	0
2	Bậc 2 (tương đương bậc B theo QĐ 177, bậc A2 theo QĐ 66)	419	8	1.731	181
3	Bậc 3 (tương đương bậc C theo QĐ 177, bậc B1 theo QĐ 66)	164	35	606	141
4	Bậc 4 (tương đương bậc B1 theo QĐ 66)	122	47	328	607
5	Bậc 5 (tương đương bậc C1 theo QĐ 66)	6	4	8	16
6	Bậc 6 (tương đương bậc C2 theo QĐ 66)	0	0	1	0
II	CẤP HUYỆN	622	165	9.010	431
1	Bậc 1 (tương đương bậc A theo QĐ 177, bậc A1 theo QĐ 66)	94	0	1.351	79
2	Bậc 2 (tương đương bậc B theo QĐ 177, bậc A2 theo QĐ 66)	303	21	4.956	69
3	Bậc 3 (tương đương bậc C theo QĐ 177, bậc B1 theo QĐ 66)	169	64	2.341	80

STT	Năng lực ngoại ngữ theo khung 6 bậc	Cán bộ, công chức		Viên chức	
		Thực trạng chất lượng ngoại ngữ	Nhu cầu số lượng cần phải đào tạo, bồi dưỡng	Thực trạng chất lượng ngoại ngữ	Nhu cầu số lượng cần phải đào tạo, bồi dưỡng
4	Bậc 4 (tương đương bậc B1 theo QĐ 66)	56	44	353	203
5	Bậc 5 (tương đương bậc C1 theo QĐ 66)	0	36	8	0
6	Bậc 6 (tương đương bậc C2 theo QĐ 66)	0	0	1	0
III	CẤP XÃ	1.828	198	0	0
1	Bậc 1 (tương đương bậc A theo QĐ 177, bậc A1 theo QĐ 66)	174	108	0	0
2	Bậc 2 (tương đương bậc B theo QĐ 177, bậc A2 theo QĐ 66)	1.288	18	0	0
3	Bậc 3 (tương đương bậc C theo QĐ 177, bậc B1 theo QĐ 66)	337	71	0	0
4	Bậc 4 (tương đương bậc B1 theo QĐ 66)	29	1	0	0
5	Bậc 5 (tương đương bậc C1 theo QĐ 66)	0	0	0	0
6	Bậc 6 (tương đương bậc C2 theo QĐ 66)	0	0	0	0

BIỂU SỐ 02

DỰ KIẾN NHU CẦU, KINH PHÍ THỰC HIỆN BỒI DƯỠNG TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1659/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(GIAI ĐOẠN 2021-2025)

(Kèm theo Kế hoạch số *125* /KH-UBND ngày *14* tháng *9* năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

ST T	Nội dung	Tổng giai đoạn 2021-2025				Năm 2021				Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025			
		Nhu cầu đăng ký bồi dưỡng		Kinh phí		Nhu cầu đăng ký bồi dưỡng		Kinh phí		Nhu cầu đăng ký bồi dưỡng		Kinh phí		Nhu cầu đăng ký bồi dưỡng		Kinh phí		Nhu cầu đăng ký bồi dưỡng		Kinh phí		Nhu cầu đăng ký bồi dưỡng		Kinh phí	
		Cán bộ, công chức	Viên chức	NS thực hiện QĐ 1659	NS của cá nhân, cơ quan, đơn vị	Cán bộ, công chức	Viên chức	NS thực hiện QĐ 1659	NS của cá nhân, cơ quan, đơn vị	Cán bộ, công chức	Viên chức	NS thực hiện QĐ 1659	NS của cá nhân, cơ quan, đơn vị	Cán bộ, công chức	Viên chức	NS thực hiện QĐ 1659	NS của cá nhân, cơ quan, đơn vị	Cán bộ, công chức	Viên chức	NS thực hiện QĐ 1659	NS của cá nhân, cơ quan, đơn vị	Cán bộ, công chức	Viên chức	NS thực hiện QĐ 1659	NS của cá nhân, cơ quan, đơn vị
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
M	TỔNG TOÁN TỈNH (Ngoại ngữ theo khung năng lực 6 bậc)	319	841	2.351.500.000	7.198.500.000	126	145	834.500.000	1.170.000.000	57	217	422.000.000	1.787.000.000	56	167	432.500.000	1.447.000.000	43	161	346.500.000	1.453.000.000	37	151	316.000.000	1.341.500.000
1	Ngoại ngữ bậc 1 (tương đương bậc A theo QĐ 177, bậc A1 tại QĐ 66)	75	49	262.500.000	171.500.000	31	16	108.500.000	56.000.000	14	20	49.000.000	70.000.000	11	6	38.500.000	21.000.000	11	4	38.500.000	14.000.000	8	3	28.000.000	10.500.000
2	Ngoại ngữ bậc 2 (tương đương bậc B theo QĐ 177, bậc A2 tại QĐ 66)	47	201	235.000.000	1.005.000.000	26	46	130.000.000	230.000.000	12	43	60.000.000	215.000.000	7	48	35.000.000	240.000.000	1	28	5.000.000	140.000.000	1	36	5.000.000	180.000.000
3	Ngoại ngữ bậc 3 (tương đương bậc C theo QĐ 177, bậc B1 tại QĐ 66)	131	161	1.048.000.000	1.288.000.000	57	11	456.000.000	88.000.000	16	64	128.000.000	512.000.000	25	19	200.000.000	152.000.000	18	40	144.000.000	320.000.000	15	27	120.000.000	216.000.000
4	Ngoại ngữ bậc 4 (tương đương bậc B2 tại QĐ 66)	46	429	506.000.000	4.719.000.000	10	71	110.000.000	781.000.000	10	90	110.000.000	990.000.000	9	94	99.000.000	1.034.000.000	9	89	99.000.000	979.000.000	8	85	88.000.000	935.000.000
5	Ngoại ngữ bậc 5 (tương đương bậc C1 tại QĐ 66)	20	1	300.000.000	15.000.000	2	1	30.000.000	15.000.000	5	0	75.000.000	0	4	0	60.000.000	0	4	0	60.000.000	0	5	0	75.000.000	0
6	Ngoại ngữ bậc 6 (tương đương bậc C2 tại QĐ 66)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	CẤP TỈNH	63	542	584.500.000	4.850.000.000	30	93	255.500.000	823.000.000	10	102	99.000.000	939.000.000	9	108	84.000.000	957.000.000	7	116	71.000.000	1.051.000.000	7	123	75.000.000	1.080.000.000
1	Ngoại ngữ bậc 1 (tương đương bậc A theo QĐ 177, bậc A1 tại QĐ 66)	1	0	3.500.000	0	1	0	3.500.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Ngoại ngữ bậc 2 (tương đương bậc B theo QĐ 177, bậc A2 tại QĐ 66)	8	136	40.000.000	680.000.000	7	29	35.000.000	145.000.000	1	17	5.000.000	85.000.000	0	30	0	150.000.000	0	25	0	125.000.000	0	35	0	175.000.000
3	Ngoại ngữ bậc 3 (tương đương bậc C theo QĐ 177, bậc B1 tại QĐ 66)	23	100	184.000.000	800.000.000	11	10	88.000.000	80.000.000	3	27	24.000.000	216.000.000	5	17	40.000.000	136.000.000	2	25	16.000.000	200.000.000	2	21	16.000.000	168.000.000
4	Ngoại ngữ bậc 4 (tương đương bậc B2 tại QĐ 66)	27	305	297.000.000	3.355.000.000	9	53	99.000.000	583.000.000	5	58	55.000.000	638.000.000	4	61	44.000.000	671.000.000	5	66	55.000.000	726.000.000	4	67	44.000.000	737.000.000
5	Ngoại ngữ bậc 5 (tương đương bậc C1 tại QĐ 66)	4	1	60.000.000	15.000.000	2	1	30.000.000	15.000.000	1	0	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	15.000.000	0
6	Ngoại ngữ bậc 6 (tương đương bậc C2 tại QĐ 66)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	CẤP HUYỆN	97	299	879.000.000	2.348.500.000	14	52	79.000.000	347.000.000	17	115	167.000.000	848.000.000	28	59	249.000.000	490.000.000	20	45	200.000.000	402.000.000	18	28	184.000.000	261.500.000
1	Ngoại ngữ bậc 1 (tương đương bậc A theo QĐ 177, bậc A1 tại QĐ 66)	0	49	0	171.500.000	16	0	56.000.000	0	20	0	70.000.000	0	6	0	21.000.000	0	4	0	14.000.000	0	3	0	10.500.000	0
2	Ngoại ngữ bậc 2 (tương đương bậc B theo QĐ 177, bậc A2 tại QĐ 66)	21	65	105.000.000	325.000.000	11	17	55.000.000	85.000.000	4	26	20.000.000	130.000.000	6	18	30.000.000	90.000.000	0	3	0	15.000.000	0	1	0	5.000.000
3	Ngoại ngữ bậc 3 (tương đương bậc C theo QĐ 177, bậc B1 tại QĐ 66)	42	61	336.000.000	488.000.000	3	1	24.000.000	8.000.000	4	37	32.000.000	296.000.000	13	2	104.000.000	16.000.000	12	15	96.000.000	120.000.000	10	6	80.000.000	48.000.000
4	Ngoại ngữ bậc 4 (tương đương bậc B2 tại QĐ 66)	18	124	198.000.000	1.364.000.000	0	18	0	198.000.000	5	32	55.000.000	352.000.000	5	33	55.000.000	363.000.000	4	23	44.000.000	253.000.000	4	18	44.000.000	198.000.000
5	Ngoại ngữ bậc 5 (tương đương bậc C1 tại QĐ 66)	16	0	240.000.000	0	0	0	0	0	4	0	60.000.000	0	4	0	60.000.000	0	4	0	60.000.000	0	4	0	60.000.000	0

